TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày 29-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 640/2017/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Mỹ L, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Tổ 2C, k4, phường Tr, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 8, k4, phường Tr, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (giấy ủy quyền số chứng thực 26, quyển số 01/2018 SCT/CK,ĐC ngày 15/01/2018), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Lô IV.3B thửa số 23 – KDC DV T, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chị Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/3/2017, bà Trương Mỹ L với ông Nguyễn Văn T lập "Hợp đồng cho vay bằng tín chấp" có nội dung bà L cho ông T, bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 2 tháng (từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/5/2017), lãi suất vay 5%/ tháng, lãi trả vào ngày 01 hàng tháng, trường hợp chậm thanh toán tiền lãi thì phải chịu mức lãi suất phát sinh 1%/tháng trên nợ gốc và lãi. Sau khi ký hợp đồng ông T đã nhận đủ tiền nhưng hết thời hạn trong hợp đồng ông T không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho bà L. Bà L đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại yêu cầu ông T thanh toán tiền vay và tiền lãi nhưng ông T vẫn không trả. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể: tiền lãi trong hạn là 667.000 đồng (20%/năm x 2 tháng x 20.000.000đồng); tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/5/2017 đến ngày 01/11/2017 là 1.350.000 đồng (20.000.000đ x 6 tháng x 1.125%).

Trong "Hợp đồng cho vay bằng tín chấp" có tên bà Nguyễn Thị H nhưng thực tế bà H không thực hiện việc giao, nhận tiền và cũng không ký tên trong hợp đồng, vì vậy, bà H không liên quan đến việc vay tiền này, bà L chỉ yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi cho bà L.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* đã được tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29/01/2018 và 22/02/2018, tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2018 và 29/3/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Bà Trương Mỹ L có đơn yêu cầu giải quyết việc vay tài sản giữa bà L với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; cùng

địa chỉ: Lô IV.3B thửa số 23 – KDC DV Tân Bình, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì "*Thời hiệu khởi kiện….tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Từ ngày 01/5/2017, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngày 27/11/2017, bà L khởi kiện yêu cầu ông T, bà H thanh toán số tiền còn nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp vẫn còn.

[3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/01/2018. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2018 và 29/3/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn bà Trương Mỹ L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày việc vay tiền, giao nhận tiền chỉ do ông T thực hiện, bà H không có mặt tại buổi giao nhận tiền, đồng thời trong bản tự khai này đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ trên, không yêu cầu bà H phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán đối với khoản nợ này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản "Hợp đồng cho vay tiền bằng tín chấp" ngày 01/3/2017 có ghi tên bà H nhưng không có chữ ký của bà Nguyễn Thị H mà chỉ có chữ ký của ông T nên Hội đồng xét xử không đưa bà Nguyễn Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[5] Xét, ngày 01/3/2017, bà L ký "Hợp đồng cho vay tiền bằng tín chấp" để cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 02 (hai) tháng, lãi suất 5%/ tháng tính từ ngày nhận tiền vay và lãi trả vào ngày 01 hàng tháng, trường hợp chậm thanh toán tiền lãi thì phải chịu mức lãi suất phát sinh 1% trên nợ gốc và lãi. Hợp đồng được ký giữa ông T với bà L là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã đủ nhận tiền nhưng không thanh toán cho bà L bất kỳ khoản nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi: Xét, hợp đồng ký giữa các bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng trên số tiền gốc 20.000.000 đồng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất là 20%/năm và tiền lãi do chậm thanh toán là

1.125%/tháng (tức 9%/năm x 150%) là phù hợp với quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể:

- Lãi suất trong hạn là 20%/năm x thời gian tính lãi 02 tháng x 20.000.000 đồng nợ gốc, thành tiền 667.000 đồng;

- Lãi suất do chậm thanh toán là 1.125%/tháng x thời gian tính lãi là 06 tháng x 20.000.000 đồng nợ gốc, thành tiền 1.350.000 đồng.

Vì vậy yêu cầu về lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho bà Trương Mỹ L số tiền là 22.017.000 (hai mươi triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, lãi trong hạn: 667.000 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, lãi quá hạn 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Trương Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông T còn phải trả cho bà L số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 1.100.850 (một triệu một trăm nghìn tám trăm năm mươi) đồng.

Trả lại cho bà Trương Mỹ L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010495 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Kim Hoa